

Số: /QĐ-STP

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp**  
**Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

**GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP**

*Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch chuyển đổi HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bình Định;*

*Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 2581/QĐ-UBND ngày 24/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng sở,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Chánh Thanh tra và các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Lãnh đạo sở;
- Các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Toàn**

**PHỤ LỤC**  
**CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA SỞ TƯ PHÁP ĐƯỢC CÔNG BỐ**  
**PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-STP ngày /12/2020  
của Giám đốc Sở Tư pháp)

STT	Tên quy trình	Lĩnh vực	Ghi chú
<b>I.</b>	<b>Các quy trình hệ thống</b>		
1.	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng		
2.	Quy trình Kiểm soát tài liệu		
3.	Quy trình Kiểm soát hồ sơ		
4.	Quy trình Đánh giá nội bộ		
5.	Quy trình Hành động khắc phục, phòng ngừa		
6.	Quy trình Kiểm soát sản phẩm không phù hợp		
<b>II.</b>	<b>Các quy trình thủ tục hành chính</b>		
1.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.	Lý lịch tư pháp	
2.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú ở Việt Nam).	Lý lịch tư pháp	
3.	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).	Lý lịch tư pháp	
4.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch.	Hộ tịch	
5.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	Nuôi con nuôi	
6.	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.	Nuôi con nuôi	
7.	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	Quốc tịch	
8.	Nhập quốc tịch Việt Nam	Quốc tịch	
9.	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
10.	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	
11.	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch	
12.	Phục hồi danh dự.	Bồi thường nhà nước	
13.	Xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	Bồi thường nhà nước	
14.	Giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường.	Bồi thường nhà nước	
15.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
16.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	Chứng thực	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
17.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được).	Chứng thực	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
18.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
19.	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Công chứng	
20.	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	
21.	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng	
22.	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
23.	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
24.	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
25.	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự)	Công chứng	
26.	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự	Công chứng	
27.	Xóa đăng ký hành nghề công chứng	Công chứng	
28.	Thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	
29.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Công chứng	
30.	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	Công chứng	
31.	Hợp nhất Văn phòng công chứng	Công chứng	
32.	Sáp nhập Văn phòng công chứng	Công chứng	
33.	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	Công chứng	
34.	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Công chứng	
35.	Thành lập Hội công chứng viên	Công chứng	
36.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Công chứng	
37.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Công chứng	
38.	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Công chứng	
39.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Công chứng	
40.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Công chứng	
41.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng	
42.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
43.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	Công chứng	
44.	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	Công chứng	
45.	Công chứng bản dịch	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
46.	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
47.	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
48.	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
49.	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
50.	Công chứng di chúc	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
51.	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
52.	Công chứng văn bản khai nhận di sản	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
53.	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
54.	Công chứng hợp đồng ủy quyền	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
55.	Nhận lưu giữ di chúc	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng
56.	Cấp bản sao văn bản công chứng	Công chứng	Thực hiện tại các Phòng Công chứng

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
57.	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	
58.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	
59.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư	
60.	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư	
61.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Luật sư	
62.	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Luật sư	
63.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	
64.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	
65.	Hợp nhất công ty luật	Luật sư	
66.	Sáp nhập công ty luật	Luật sư	
67.	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư	
68.	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư	
69.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư	
70.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư	
71.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	
72.	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật	
73.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
74.	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	
75.	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	
76.	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật	
77.	Cấp Thẻ đấu giá viên	Đấu giá tài sản	
78.	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Đấu giá tài sản	
79.	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	
80.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	
81.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	
82.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản	
83.	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản	
84.	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản	
85.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Quản tài viên, hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	
86.	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên, hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	
87.	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên, hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	
88.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên, hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	
89.	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Quản tài viên, hành nghề quản lý, thanh lý tài sản	
90.	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	
91.	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp	



<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
92.	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
93.	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
94.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
95.	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
96.	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
97.	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
98.	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp	
99.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng	Giám định tư pháp	
100.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp	
101.	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập ; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh , thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	
102.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài ; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh , thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	
103.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
104.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại	
105.	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại	
106.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại	
107.	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Hòa giải thương mại	
108.	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập ; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh , thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại	
109.	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	
110.	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại	
111.	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	
112.	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
113.	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh , thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương khác	Hòa giải thương mại	
114.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại	
115.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Hòa giải thương mại	
116.	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	
117.	Thay đổi nơi đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	Thừa phát lại	
118.	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	
119.	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	Thừa phát lại	
120.	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
121.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
122.	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
123.	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
124.	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
125.	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
126.	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
127.	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
128.	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	Thừa phát lại	
129.	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
130.	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
131.	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
132.	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
133.	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
134.	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
135.	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
136.	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
137.	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Đăng ký biện pháp bảo đảm	
138.	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	Trợ giúp pháp lý	
139.	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
140.	Chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
141.	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	

<b>STT</b>	<b>Tên quy trình</b>	<b>Lĩnh vực</b>	<b>Ghi chú</b>
142.	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
143.	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	
144.	Lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	Trợ giúp pháp lý	Thực hiện tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước
145.	Yêu cầu trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thực hiện tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước
146.	Cấp Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thực hiện tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước
147.	Cấp lại Thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý	Thực hiện tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước
148.	Rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Thực hiện tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước
149.	Thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.	Trợ giúp pháp lý	Thực hiện tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# **BẢN CÔNG BỐ**

## **SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Sở Tư pháp  
phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015**

*(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-STP,  
ngày tháng 12 năm 2020 của Giám đốc Sở Tư pháp)*

**Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.**

*Bình Định, ngày tháng 12 năm 2020*

**GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Toàn**